

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2021/HS - PT
Ngày 14 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Mâu Mai Quyên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 152/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1992 tại xã B, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Vinh Tiến, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B2 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Trần Thị M và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tốt; hiện tại ngoại, “có mặt”.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Nguyễn Đình D, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1980 tại xã G, huyện G2, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Số 12/43/136 đường N, phường M, quận N1, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Y và bà Đàm Thị V; có vợ là Nguyễn Quỳnh C (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; hiện tại ngoại, “có mặt”.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo, kháng

nghe:

- *Người đại diện của bị hại:* Anh Nguyễn Công C, sinh năm 1979 (em trai của bị hại); cư trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2020), “vắng mặt”.

- *Bị đơn dân sự:*

1. Công ty TNHH vận tải X; địa chỉ: Phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1963, (theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 02 năm 2020 của Giám đốc Công ty); nơi cư trú: Số 6/184 phố V, phường V1, quận N, thành phố Hải Phòng, “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Ba Nhất, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, “vắng mặt”.

2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố Vinh Tiến, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Duy Thái và chị Trần Thị Dung “đều vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình D có giấy phép lái xe ô tô hạng FC do Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng cấp. Từ tháng 01 năm 2019, D là lái xe theo hợp đồng có thời hạn của Công ty TNHH vận tải X (sau đây gọi tắt là Công ty X). Ngày 21 tháng 02 năm 2020, D được công ty X điều động điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 15C - 334.28, kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 15R - 052.18 chở hàng của công ty lên khu công nghiệp K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi giao hàng xong, khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, D điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 15C - 334.28 kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 15R - 052.18 đi từ khu công nghiệp K theo đường 310B hướng thị trấn B, huyện B1 đi Quốc lộ 2A để về thành phố Hải Phòng. Khoảng 13 giờ 50 phút cùng ngày, D điều khiển xe đi với vận tốc khoảng 50km/h, khi đến ngã tư giao nhau giữa đường tỉnh lộ 310B với đường liên xã thị trấn H đi xã S thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 22F1 - 120.25, do anh Nguyễn Văn C điều khiển đi trên đường liên xã theo hướng thị trấn Hương Canh đi xã Sơn Lôi vào ngã tư giao nhau và đang rẽ trái để đi vào đường 310B hướng Quốc lộ 2A đi thị trấn B. Lúc này D liền đạp phanh nhưng do xe đi nhanh nên phần đầu bên trái xe ô tô của D điều khiển đã đâm vào sườn bên trái phía sau xe mô tô của anh C điều khiển, làm xe mô tô đổ xuống đường, anh C bị ngã tại nơi đường giao nhau thuộc phần đường của chiều

đường Quốc lộ 2A đi thị trấn B. Khi anh C bị ngã thì có xe ô tô tải biển kiểm soát 88C - 144.21 (trọng tải hàng hóa 6300kg) do Nguyễn Văn Q (có giấy phép lái xe hạng B2) điều khiển theo hướng Quốc lộ 2A đi thị trấn B đi đến, Q liền đạp phanh xe và đánh lái sang phải theo hướng đi của mình để tránh nhưng do xe đi nhanh nên không kịp tránh và bánh sau bên trái xe ô tô do Q điều khiển đã chèn qua phần bụng anh C làm anh C tử vong tại chỗ. Sau khi tai nạn xảy ra Q không dừng lại mà tiếp tục điều khiển xe ô tô bỏ chạy về thị trấn B cất xe để trốn tránh trách nhiệm. Đến ngày 22 tháng 02 năm 2020, Q đến Công an huyện B1 đầu thú, cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C - 144.21.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B1 đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và khám các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật và các bên không có ý kiến gì.

Trên cơ sở trưng cầu của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B1, ngày 02 tháng 3 năm 2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận nguyên nhân tử vong của bị hại Nguyễn Văn C là do “Chấn thương ngực kín”.

Quá trình điều tra, ngày 27 tháng 3 năm 2020 Nguyễn Đình D và đại diện Công ty TNHH vận tải X là ông Nguyễn Đình T cùng gia đình bị hại đã thỏa thuận, thống nhất bồi thường các khoản chi phí tiền mai táng phí, bù đắp tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 95.000.000 đồng, Nguyễn Đình D đã bồi thường đủ 95.000.000 đồng cho chị Đình Thị Loanh (trong đó có 45.000.000 đồng là tiền của công ty hỗ trợ cho D), chị Loanh đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm đồng thời có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho D. Công ty TNHH vận tải X không đề nghị giải quyết số tiền mà Công ty đã hỗ trợ cho D để bồi thường cho gia đình bị hại.

Đồng thời cùng ngày 27 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Văn Q và gia đình bị hại đã thỏa thuận và thống nhất bồi thường các khoản chi phí tiền mai táng phí, bù đắp tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị C là vợ của anh Nguyễn Văn T, chủ xe ô tô biển kiểm soát 88C-144.21 đã hỗ trợ cho Q số tiền 45.000.000 đồng để Q bồi thường cho chị Loanh. Chị Loanh đã nhận đủ tiền số tiền 45.000.000 đồng của Q và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Q. Chị C không đề nghị giải quyết số tiền mà chị đã hỗ trợ cho Q để bồi thường cho gia đình bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình D và Nguyễn Văn Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Đình D hành nghề lái xe ô tô với thời hạn 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Cấm bị cáo Nguyễn Văn Q hành nghề lái xe ô tô với thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2020 bị cáo Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 29/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng nghị số 1620/QĐ-VKS-P7 đề nghị hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc yêu cầu Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm điều tra, làm rõ một số nội dung để có cơ sở xác định lỗi của Nguyễn Văn Q. Các nội dung kháng nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Q thì trước khi xe mô tô do anhC điều khiển va chạm với xe ô tô đầu kéo của Nguyễn Đình D, Q đã quan sát thấy anhC điều khiển xe mô tô đi sang đường, tuy nhiên quá trình điều tra chưa làm rõ được là thời điểm đó xe Q điều khiển còn cách xe anhC bao nhiêu mét? Và cách điểm tai nạn bao nhiêu mét? Q có nhận biết được là xe của anhC sẽ đi rẽ sang phần đường do xe Q đang đi tới hay không? Để xác định khi anhC bị ngã sang phần đường của Q thì xe Q còn cách vị trí anhC ngã là bao nhiêu mét, xe của Q đã chèn qua người anhC là do khoảng cách gần không xử lý kịp hay Q không chủ động phanh xe ngay, để xe chạy tới gần vị trí anhC ngã mới đạp phanh nhưng không kịp. Lời khai của bà Nguyễn Thị C (là người ngồi cùng xe Q) tại BL 247 có nội dung: “Báo cáo khi Q điều khiển xe ô tô lắc mạnh sang phải đồng thời tôi quan sát thấy xe ô tô đầu kéo va chạm với xe mô tô và ngay sau đó tôi thấy đuôi xe bên trái do Q điều khiển bồng lên thì tôi thấy Q điều khiển xe đi chậm lại...” Bà C khai khi Q phanh và đánh lái sang phải và thấy bánh sau bên trái xe bồng lên thì bà nhìn ra ngoài và thấy xe ô tô đầu kéo gây tai nạn với xe anhC cách đó khoảng 20m, xác định đây là khoảng cách xe Q sau khi chèn qua người anhC.

Thứ hai, Kết quả khám phương tiện thể hiện xe mô tô do anhC điều khiển có bật đèn tín hiệu xin rẽ, nhưng quá trình điều tra chưa đấu tranh làm rõ việc Q có quan sát thấy việc này hay không? Đây cũng là vấn đề quan trọng để xác định Q có chủ động quan sát khi vào ngã tư không, từ đó đánh giá được Q có làm chủ tốc độ, chủ động xử lý tránh tai nạn không? Hay là do lơ là, thụ động và khi xe đến gần vị trí anhC thì Q mới vội vã đạp phanh đánh lái nhưng không kịp.

Thứ ba, Q khai tốc độ xe do Q điều khiển lúc đó là khoảng 50km/h, nhưng theo tài liệu thiết bị giám sát hành trình xe ô tô của Q tại thời điểm gây tai nạn, tốc độ xe là 70km/h. Quá trình điều tra, cấp sơ thẩm đã không tiến hành giám định tài liệu giám sát hành trình, cũng như không đấu tranh để làm rõ việc Q khai tốc độ xe 50km/h hay tài liệu giám sát hành trình xác định xe đi với tốc độ 70km/h là có căn cứ. Đây cũng là một vấn đề quan trọng để xác định một trong những nguyên nhân không xử lý kịp thời của Q có do vận tốc xe không. Trước khi gây tai nạn Q có đảm bảo về tốc độ xe khi đi qua ngã tư giao lộ hay không.

Thứ tư, Cấp sơ thẩm xác định khi xe mô tô và anh C đổ ngã ra đường cách đầu xe ô tô của Q điều khiển 10 mét là dựa trên cơ sở tài liệu, chứng cứ nào? Nếu chỉ căn cứ vào vết phanh xe ô tô của Q để lại tại hiện trường để kết luận thì cũng chưa đủ cơ sở. Bởi lẽ, tại Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện, phần đường hướng QL2A đi B có vết phanh bánh đôi (xác định là bánh sau của xe Q) KT 10m x 0,4m. Như vậy, khi Q nhìn thấy xe ô tô của D va chạm với xe mô tô của anh C thì bánh sau xe ô tô Q điều khiển cách vị trí va chạm khoảng 10m, chiều dài xe ô tô do Q điều khiển là 6,81 mét, cùng với tốc độ di chuyển của xe và việc anh C bị ngã văng lên phía trước về phía đầu xe ô tô của Q thì xác định khoảng cách này là chưa đủ cơ sở. Do đây là vụ án phức tạp, còn nhiều vấn đề cơ bản về chứng cứ trong vụ án chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ để giải quyết đúng đắn toàn diện vụ án.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân tỉnh Vĩnh Phúc bổ sung kháng nghị về vi phạm của Bản án sơ thẩm trong việc xác định sai tư cách tố tụng của chị Nguyễn Thị C trong vụ án. Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị C là chủ sở hữu chiếc ô tô biển kiểm soát 88C - 144.21 do Q điều khiển, đây là phương tiện gây thiệt hại, chị C phải có trách nhiệm và đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Do vậy phải xác định anh T và chị C là bị đơn dân sự trong vụ án. Bản án sơ thẩm xác định tư cách tố tụng của chị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng với khoản 3 Điều 584 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 64 Bộ luật tố tụng Hình sự đã xâm phạm đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Q rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên yêu cầu xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng kháng nghị đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị, kháng nghị bổ sung của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q trong thời hạn, đúng quy định được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận như sau:

[2.1] Chiều ngày 21/02/2020 bị cáo điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88C – 144.21 trên đường Tỉnh lộ 310B theo hướng Quốc lộ 2A đi thị trấn B, đường có dải phân cách cứng ở giữa. Trên xe ô tô còn có chị Nguyễn Thị C là chủ xe và là vợ ruột của bị cáo ngồi ở ghế phụ. Khi xe ô tô đến gần ngã tư giao nhau giữa đường tỉnh lộ 310B và đường liên xã thị trấn H đi xã S thì Q phát hiện biển báo hiệu đường bộ cảnh báo nguy hiểm nhưng bị cáo không giảm tốc độ. Đồng thời Q quan sát phía trước thì thấy phía bên kia đường, tại ngã tư giao nhau không có dải phân cách cứng ở giữa, xe ô tô đầu kéo do bị cáo Nguyễn Đình D điều khiển đi theo hướng ngược lại với chiều đi của Q và xe mô tô do anh Nguyễn Văn C điều khiển đang sang đường có va chạm nhau làm xe mô tô bị đổ và anh C bị ngã văng sang phần đường theo hướng Quốc lộ 2A đi thị trấn B. Do không tuân thủ Luật Giao thông đường bộ nên bị cáo không giảm tốc độ mặc dù trước đó bị cáo đã quan sát thấy người điều khiển xe mô tô đã bị ngã văng ra đường, khoảng cách từ vị trí bị cáo nhìn thấy đến chỗ người lái xe mô tô nằm khoảng từ 10 đến 15m. Bị cáo đã đạp phanh nhưng do tốc độ xe chạy quá nhanh không dừng được thì bị cáo đã đánh lái sang phải để tránh anh C nhưng do phía trước có chướng ngại vật là bức tường chắn bao xung quanh lề đường nên bị cáo phải đánh lái sang trái để tránh bức tường này thì bánh sau xe ô tô đã chèn qua người anh C làm anh C bị tử vong.

[2.2] Xe ô tô biển kiểm soát 88C – 144.21 mà bị cáo điều khiển gây ra vụ tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả anh C bị tử vong có trọng tải là 6.300 kg thuộc sở hữu của vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị C (là cậu, vợ ruột của bị cáo) và trên xe ô tô có lắp camera giám sát hành trình. Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã điều khiển xe ô tô về giao cho chủ xe. Bị cáo thừa nhận bản ảnh chụp giám sát hành trình vào hồi 13h40' đến 14h của xe ô tô biển kiểm soát 88C – 144.21 do bị cáo điều khiển ngày 21/02/2020 mà anh Nguyễn Văn T cung cấp cho Cơ quan điều tra là đúng, không có sự sửa chữa, thay đổi và bị cáo đồng ý với tốc độ xe thể hiện trong bản ảnh nên không đề nghị phải giám định đối với bản ảnh giám sát hành trình này. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì đối với chứng cứ là bản ảnh chụp camera giám sát hành trình.

[2.3] Bị cáo khai trước lúc xảy ra vụ tai nạn bị cáo điều khiển xe với tốc độ khoảng từ 50 đến 60 km/h là do tự áng chừng chứ không có căn cứ chắc chắn để khẳng định vì bị cáo không quan sát vào bảng điều khiển tốc độ của xe ô tô. Vì áng chừng nên bị cáo mới có các lời khai khác nhau về tốc độ xe trong quá trình điều tra, xét xử tại giai đoạn sơ thẩm. Bị cáo khẳng định tốc độ xe thể hiện

tại bản ảnh chụp giám sát hành trình do chủ xe cung cấp cho Cơ quan điều tra mới đúng với tốc độ thực tế của xe mà bị cáo đã điều khiển.

[2.4] Bị cáo thừa nhận nguyên nhân dẫn đến hậu quả anh C bị tử vong là có một phần lỗi của mình. Bị cáo cho rằng mình bị điều tra, truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Bị cáo xin được hưởng án treo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đình D khai nhận: Khoảng 13h50’ ngày 21/02/2020 bị cáo điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 15C - 334.28, kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 15R - 052.18 khi đến đoạn đường giao nhau giữa đường tỉnh lộ 310B hướng thị trấn B đi Quốc lộ 2A, do không giảm tốc độ nên đầu xe ô tô bên trái do bị cáo điều khiển đã đâm vào phía sau bên trái xe mô tô biển kiểm soát 22F1 – 120.25 do anh Nguyễn Văn C điều khiển khi sang đường. Hậu quả xe mô tô và anh C bị ngã văng sang phần đường ngược chiều không có dải phân cách ở giữa nên anh C bị xe ô tô ngược chiều biển kiểm soát 88C – 144.21 do bị cáo Nguyễn Văn Q điều khiển chèn qua người dẫn đến hậu quả tử vong. Bị cáo D xin rút lại lời khai trước đó tại cấp sơ thẩm là nhìn thấy từ vị trí anh C nằm ở đường (sau khi bị văng ra) cách vị trí xe ô tô do Q điều khiển khoảng 2m và xe ô tô do bị cáo Q điều khiển có trọng tải là 3,5 tấn. Lời khai này là không đúng vì bị cáo chỉ ước chừng là như vậy chứ không có căn cứ để khẳng định. Đến nay bị cáo cũng không thể khẳng định được vị trí anh C bị ngã cách đầu xe ô tô của Q điều khiển là khoảng bao nhiêu mét vì lúc xảy ra tai nạn bị cáo không quan sát kỹ.

[4] Thấy rằng lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Q tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như các lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm; phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, bản ảnh chụp giám sát hành trình; phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị C là người ngồi trên xe ô tô với bị cáo đã chứng kiến sự việc (bút lục 245-247) và phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Đình D. Lời khai nhận tội của bị cáo Q là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết khách quan khác của vụ án, được sử dụng làm chứng cứ để chứng minh vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận khoảng 13 giờ 50 phút ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại ngã tư giao nhau giữa đường tỉnh lộ 310B với đường liên xã thị trấn Hương Canh đi xã Sơn Lôi thuộc địa phận xã Sơn Lôi, huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Đình D có giấy phép lái xe ô tô theo quy định (hạng FC), điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 15C - 334.28, kéo theo rơ moóc biển kiểm soát 15R - 052.18 hướng thị trấn B đi Quốc lộ 2A, do không giảm tốc độ đến mức an toàn nơi đường giao nhau nên phần đầu xe ô tô của D điều khiển đã đâm vào sườn bên trái xe mô tô biển kiểm soát 22F1 - 120.25 do anh Nguyễn Văn C điều khiển đi vào đường nơi giao nhau và đang rẽ trái để vào phần đường hướng Quốc lộ 2A đi thị trấn B, làm xe mô tô và anh C bị ngã đổ văng sang phần đường ngược với chiều đi của xe ô tô do D điều khiển. Khi anh C bị ngã và nằm trên đường thì Nguyễn Văn Q đang điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 88C -

144.21 theo hướng Quốc lộ 2A đi thị trấn B và đã nhìn thấy anh C bị tai nạn ngã ra đường. Từ vị trí Q phát hiện đến chỗ anh C nằm khoảng từ 10 đến 15 mét (theo lời khai của Q tại phiên tòa phúc thẩm) nhưng do bị cáo không giảm tốc độ xe khi đến ngã tư giao nhau và do tốc độ xe chạy quá nhanh (theo bản ảnh giám sát hành trình thể hiện vào hồi 13h50' tại vị trí xảy ra tai nạn thì xe có tốc độ dao động trên dưới 70km/h) nên khi thấy tai nạn phía trước xảy ra Q đạp phanh và đánh lái sang phải để tránh, nhưng do phía trước có chướng ngại vật là bức tường chắn bao xung quanh lề đường nên bị cáo phải đánh lái sang trái để tránh bức tường này thì bánh sau xe ô tô đã chèn qua người anh C làm anh C bị tử vong tại chỗ, sau đó Q điều khiển xe ô tô bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm.

[5] Hành vi điều khiển xe ô tô không chấp hành quy tắc chung, không chấp hành hệ thống biển báo hiệu đường bộ và không đảm bảo tốc độ khi tham gia giao thông của các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Đình D đã vi phạm vào Điều 9, Điều 10 Luật Giao thông đường bộ và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ khi tham gia giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả làm chết một người nên đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Nguyễn Văn Q không có giấy phép lái xe theo quy định là vi phạm Điều 8 Luật giao thông đường bộ và sau khi gây tai nạn đã bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm nên bị xét xử theo các tình tiết định khung quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội của Nguyễn Văn Q là do bị cáo không chấp hành quy định về biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định của Luật giao thông đường bộ. Trong vụ án này bị cáo đã nhìn thấy người bị hại bị ngã văng ra đường trước đó nhưng do bị cáo không giảm tốc độ khi đi qua đường giao nhau nên đã dẫn đến hậu quả bánh sau xe ô tô do bị cáo điều khiển đã chèn qua người anh C làm anh C bị tử vong. Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ khi tham gia giao thông đường bộ có quy định: “*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: 3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức...*”. Vì vậy hành vi gây tai nạn của bị cáo không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự là “Sự kiện bất ngờ” theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, c khoản 2 Điều 260 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[7] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các nội dung kháng nghị thể hiện trong quyết định kháng nghị số 1620/QĐ-VKS-P7 ngày 29/10/2020 đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm thông qua lời khai của các bị cáo. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm vấn tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để kết tội các bị cáo như phân T1, lập luận của Hội đồng xét xử ở phần trên. Tuy cấp sơ thẩm có vi phạm, thiếu sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ nhưng những vi phạm này không làm ảnh hưởng đến việc xác định tội danh của vụ án,

không kết án oan người không phạm tội. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với những thiếu sót này. Viện kiểm sát cho rằng cần phải tiến hành điều tra, xác minh, thu thập thêm tài liệu chứng cứ mới có đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo Q là không cần thiết. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị hủy bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát.

Đối với kháng nghị bổ sung tại phiên tòa về việc cho rằng cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tố tụng của chị Nguyễn Thị C từ bị đơn dân sự thành người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền của đương sự. Thấy rằng kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ngoài các nội dung mà Viện kiểm sát đã kháng nghị, qua nghiên cứu hồ sơ Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình điều tra, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm trong việc xác định tư cách của đương sự, việc vi phạm này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của họ, cụ thể:

[8.1] Tại giấy ủy quyền ngày 25/02/2020 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Bút lục 199) thì chị Đinh Thị Loanh là vợ của bị hại Nguyễn Văn C có ủy quyền cho hai người là anh Nguyễn C C (em trai bị hại) và anh Nguyễn Văn T1 (cháu bị hại) thay mặt chị Loanh để giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, đến ngày 28/02/2020 tại Biên bản họp gia đình gia đình bị hại thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại ủy quyền cho anh C (Bút lục 198) tham gia tố tụng giải quyết nội dung liên quan đến phân trách nhiệm dân sự trong vụ án. Biên bản họp gia đình không hủy bỏ tư cách đại diện theo ủy quyền của anh T1. Tuy nhiên trong giấy ủy quyền ngày 25/02/2020 (Bút lục 199) thể hiện tại “mục 2. Người nhận ủy quyền” là anh Nguyễn Văn T1 ở phần họ và tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ, chứng minh nhân dân và mối quan hệ với người ủy quyền đã bị gạch bằng bút mực nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa làm rõ ai là người đã gạch phần nội dung này mà đã xác định anh T1 chỉ tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vì xe máy mà bị hại sử dụng là tài sản của anh của anh T1) là chưa chính xác. Vì tại Đơn đề nghị xét xử vắng ngày 25/9/2020 anh T1 vẫn tiếp tục khẳng định mình tham gia vụ án với tư cách là người đại diện hợp pháp của bị hại; trong khi đó tại phần đầu của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đại diện hợp pháp của bị hại chỉ có anh Nguyễn Công C. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án lại xác nhận anh Nguyễn Văn T1 là đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền mà các bị cáo đã bồi thường. Anh T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về phần dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của anh T1 không đúng, trong khi các tài liệu có trong hồ sơ còn mâu thuẫn sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Cụ thể người nhận tiền bồi thường của các bị cáo là chị Loanh chứ không phải anh T1, việc tòa tuyên anh T1 đã nhận tổng số tiền 140 triệu đồng là sai bản chất vụ việc và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của anh T1. Việc xác nhận anh T1 là người đại diện hợp pháp của bị hại trong phần quyết định của bản án và tuyên đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo

là mâu thuẫn với phần đầu của bản án và vi phạm đến quyền kháng cáo của đương sự.

[8.2] Việc Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Công C là đại diện hợp pháp của bị hại là không đúng. Vì vụ án này bị hại là anh Nguyễn Văn C đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của anh C (gồm vợ, con, bố, mẹ) sẽ là người đại diện hợp pháp của bị hại. Anh C được hàng thừa kế thứ nhất của anh C ủy quyền nên chỉ tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại chứ không phải là người đại diện hợp pháp của bị hại. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng xác định sai tư cách của anh C đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của những người đại diện hợp pháp của bị hại đã chết, đã làm mất quyền kháng cáo của họ. Theo biên bản họp gia đình ngày 28/02/2020 thì toàn bộ người đại diện hợp pháp của bị hại chỉ ủy quyền cho anh C (không phải hàng thừa kế thứ nhất) tham gia tố tụng để giải quyết phần trách nhiệm dân sự tuy nhiên cơ quan tiến hành tố tụng chưa kiểm tra, làm rõ phạm vi ủy quyền mà đã xác định anh C tham gia với tư cách được ủy quyền toàn bộ vụ án là không đúng với nội dung ủy quyền.

Việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của họ là thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng hình sự. Vi phạm này chưa được cấp sơ thẩm phát hiện để trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được mà cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

[9] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Q, thấy rằng: Do Bản án hình sự sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cần phải hủy để điều tra, xét xử lại theo tục chung nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét kháng cáo của bị cáo.

[10] Về án phí: Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và bản án hủy để điều tra, xét xử lại nên các bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo Nguyễn Đình D và bị cáo Nguyễn Văn Q bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B1, tỉnh Vĩnh Phúc để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B1;
- VKSND huyện B1;
- Công an huyện B1;
- Chi cục THADS huyện B1;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Danh

